

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 001/SPVB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam

Địa chỉ: Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838219437. Chăm sóc khách hàng: 19001220 Fax: 02838219436

Email: dangthanh.tan@suntorypepsico.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300816663

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN19/00353, VN19/00265, VN20/00408, VN19/00129, VN20/00033, VN009017/1.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **BOSS CÀ PHÊ SỮA**

2. Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (18 g/L), chiết xuất cà phê (10,6 g/L), bơ lát, cà phê hòa tan (8,2 g/L), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), Sodium Caseinate, bột cà phê (1 g/L), hỗn hợp hương cà phê (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), chất nhũ hóa (473, 471), chất ổn định (466), hương sữa tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thành phẩm được đóng trong lon nhôm, bên trong có phủ lớp epoxy resin, bảo đảm phù hợp vệ sinh ATTP.

Thể tích thực: 180 ml/lon.

Khi vận chuyển sẽ đóng vào trong 1 thùng carton hoặc trong khay carton phủ nhựa kín, mỗi thùng/ khay chứa 24 lon để rời hoặc cuộn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 lon được cuộn nylon trong không in nhãn, hoặc theo quy cách 28 lon/thùng hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Nhà máy sản xuất nước giải khát đặt tại phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh – Mã số H. Địa chỉ: phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại Đồng Nai – Mã số N. Địa chỉ: KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5.3. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại miền Trung – Mã số Q. Địa chỉ: Lô số 10, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

5.4. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh – Mã số A. Địa chỉ: số 88, đường Hữu Nghị, KCN đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

5.5. Chi nhánh Công ty PepsiCo Việt Nam tại TP. Cần Thơ – Mã số C. Địa chỉ: Lô 2.19B, 2.19D, 2.19D1, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

5.6. Công ty TNHH Nihon Canpack (Việt Nam) – Mã số K. Địa chỉ: Lô F-5-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho “Cà phê”:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/L	1
2	Cadmi (Cd)	mg/L	1
3	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,05

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Kim loại nặng - Chì (Pb)	mg/L	0,05
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
3	<i>E. coli</i>	cfu/ml	0
4	<i>Coliform</i>	cfu/ml	10
5	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	cfu/ml	0
7	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10
8	<i>Pseudomonas Aeruginosa</i>	cfu/ml	0
9	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ml	0

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, áp dụng cho “Cà phê uống ngay” và “Sữa và các sản phẩm từ sữa”:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	10
2	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5



Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT ban hành “Quy định mức tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm”:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/kg	2,5

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, áp dụng cho “Các sản phẩm sữa dạng lỏng”:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ml	5
2	<i>L. monocytogens</i>	cfu/ml	100

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2022
Phó Tổng giám đốc cấp cao - Sản xuất



Đặng Thanh Tân





NGON HƠN

KHI UỐNG UỚP LẠNH
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp và nơi có nhiệt độ cao. Lắc đều trước khi sử dụng. Nên sử dụng sản phẩm ngay sau khi mở lon. Sản phẩm này có chứa sữa. HSD: xem ở đáy lon. NSX: trước HSD 12 tháng. Xuất xứ: Việt Nam.



Thể tích thực:
180 ml



BOSS
COFFEE



**NHÃN HIỆU CÀ PHÊ ĐÓNG LON
SỐ 1 NHẬT BẢN***



SUNTORY
PEPSICO

TU HẢO LÃ THANH VIÊN

LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO BÌ
VIỆT NAM



**NHÃN HIỆU CÀ PHÊ ĐÓNG LON
SỐ 1 NHẬT BẢN***



SUNTORY
PEPSICO

TU HẢO LÃ THANH VIÊN

LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO BÌ
VIỆT NAM



BOSS CÀ PHÊ SỮA

Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (18 g/L), chiết xuất cà phê (10,6 g/L), bột lát, cà phê hòa tan (8,2 g/L), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), Sodium Caseinate, bột cà phê (1 g/L), hỗn hợp hương cà phê (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), chất nhũ hóa (473, 471), chất ổn định (466), hương sữa tổng hợp. Sản phẩm được làm từ sữa và cà phê nên hiện tượng lắng cặn hoặc nổi vẩn trên bề mặt có thể xảy ra nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trung bình cho 100 ml	
Năng lượng/ Energy (kcal)	58
Chất đạm/ Protein (g)	1
Chất béo/ Fat (g)	1
Carbohydrates (g)	11,3
Đường tổng/ Total sugar (g)	10,4
Natri/ Sodium (mg)	47
Caffein/ Caffeine (mg)	39,5

*Nguồn: Intage SRI+, Doanh số và Doanh thu bán lẻ dựa trên ngành hàng Cà phê lon uống liền trên toàn Nhật Bản, sản lượng và giá trị bán ra của kênh siêu thị, kênh của hàng được phẩm, kênh của hàng tiện lợi và kênh trung tâm mua sắm, trong thời gian từ tháng 1/2017 đến tháng 11/2021.

Theo bản quyền của Suntory Holdings Limited (JP), 1-40, Dojima-hama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 530-8203, Nhật Bản.

Chịu trách nhiệm bởi: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Số hồ sơ tự công bố: 001/SPVB/2022.
Chăm sóc khách hàng: 1900.1220.

KT3-06305ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

11/11/2021
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **BOSS CÀ PHÊ SỮA**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên lon, không nhãn hiệu.
As received sample is whole can, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 04/11/2021
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 04/11/2021 - 11/11/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM**
Cao Ốc Sheraton, 88 Đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06305ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 11/11/2021
 Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/L QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/L QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/L QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng asen tổng số, <i>Total arsenic content</i>	mg/L TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/mL ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.6. Coliform,	CFU/mL ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.7. E. Coli,	CFU/mL ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.8. Staphylococcus aureus,	CFU/mL AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.9. Clostridium perfringens,	CFU/mL ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.10. Enterococci, <i>Streptococci faecal</i>	CFU/mL ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.11. Pseudomonas aeruginosa,	CFU/mL ISO 16266 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.12. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts & moulds</i>	CFU/mL ISO 21527-1:2008	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06305ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 11/11/2021
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.13. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/L <i>Aflatoxin M1 content</i>	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.14. Hàm lượng ochratoxin A, µg/L <i>Ochratoxin A content</i>	TCVN 8426:2010	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.15. Hàm lượng melamin, µg/L <i>Melamin content</i>	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	100	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.16. Enterobacteriaceae, CFU/mL	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 1 (*) <i>Less than</i>
7.17. <i>Listeria monocytogenes</i> , CFU/mL	ISO 11290 – 2: 2017	-	Nhỏ hơn 1 (*) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.